

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 08- 8-2022  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Hồng Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hồ Thị Út Lùng  
Ông Lê Quang Đây

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/202022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Trần Minh T, sinh năm 1966 (xin vắng).

*Bị đơn:* Bà Ngô Thị L, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Biện Trượng, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Vào năm 1988 ông Trần Minh T có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với bà Ngô Thị L, hôn nhân có tổ chức lễ thành hôn theo phong tục, tập quán địa phương nhưng đến nay vẫn không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi thành hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do bà L mê cờ bạc, không quản lý gia đình mặc dù ông T có khuyên nhiều lần nhưng bà vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng ông bà cũng không khắc phục được mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân duy trì không hạnh phúc nên ông Trần Minh T yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị L.

- Về con chung: Có 03 người con tên:

- + Trần Ý Nguyễn, sinh năm 1989 (nam);
- + Trần An Khang, sinh năm 1990 (nam);
- + Trần Chí Bảo, sinh năm 1996 (nam).

Khi ly hôn các con đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với bị đơn bà Ngô Thị L:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông T yêu cầu ly hôn; Đồng thời Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà L vẫn vắng mặt 02 lần không có lý do.

*Tại phiên tòa:*

Ông Trần Minh T và bà Ngô Thị L vắng mặt nên không có ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng**

Ông Trần Minh T yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị L, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bà L cư trú tại ấp Biện Trượng, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông Trần Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Ngô Thị L đã được Tòa án thông báo hợp lệ 02 lần tham gia phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Ngô Thị L.

#### **[2] Về nội dung vụ án**

- Về hôn nhân: Ông Trần Minh T và bà Ngô Thị L chung sống như vợ chồng vào năm 1988, hôn nhân có tổ chức lễ thành hôn theo phong tục tập quán địa phương nhưng đến nay vẫn không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do bà L mê cờ bạc, không quản lý gia đình. Vợ chồng ông T sống ly thân năm 2012 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông T và bà L chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, theo quy định tại khoản 1

Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Minh T và bà Ngô Thị L.

- Về con chung: Có 03 người con tên:

+ Trần Ý Nguyên, sinh năm 1989 (nam);

+ Trần An Khang, sinh năm 1990 (nam);

+ Trần Chí Bảo, sinh năm 1996 (nam).

Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự: *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, ông T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông T được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 147, 207, 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Minh T và bà Ngô Thị L.

- Về con chung: Có 03 người con tên:

+ Trần Ý Nguyên, sinh năm 1989 (nam);

+ Trần An Khang, sinh năm 1990 (nam);

+ Trần Chí Bảo, sinh năm 1996 (nam).

Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch ông Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 23 tháng 5 năm 2022, ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015560 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, ông T không phải nộp thêm.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Hồng Ngân**